

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 4 (Phần 2)

1. Pháp ẩm giới nhập có mê có hiểu:

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin Đức Thế tôn lại nói cho con nghe về sự sinh diệt của ẩm giới nhập, kia không có ngã thì cái gì sinh, cái gì diệt? Kẻ ngu y theo sinh diệt, chẳng biết khổ hết, chẳng biết Niết-bàn. Phật bảo: Lành thay! Lành thay! Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói. Đại Tuệ bạch Phật: xin vâng thọ giáo”: Ấm, giới, nhập sinh diệt, vẫn trước có nói, mà Đại Tuệ lại có thỉnh, ý nói pháp ẩm, giới, nhập có mê có hiểu: do hiểu nên kia không có ngã, thì cái gì là sinh, diệt? Vì mê nên kẻ ngu nương vào sinh diệt, chẳng biết khổ hết, chẳng biết Niết-bàn, thì làm sao thoát khỏi sinh tử cho được!

2. Như lai tạng là nhân thiện bất thiện:

“Phật bảo Đại Tuệ: Như lai tạng là nhân lành, không lành, có công năng sinh khởi sự tạo tác tất cả đường sinh, thí như cô đào hát biến hiện các đường lìa ngã, ngã sở. Vì chẳng giác kia nên ba duyên hòa hợp phương tiện mà sinh. Ngoại đạo chẳng giác chấp là tác giả. Vì từ vô thủy thói quen luống dối xấu ác huân tập gọi là tạng thức. Sinh ra vô minh trụ địa đi chung với bảy thức, như thân sóng biển, thân thường sinh chẳng dứt, lìa lỗi vô thường, xa lìa ngã luận thì tự tánh không nhỏ rớt ráo thanh tịnh”. Trong đây đáp, nói Như lai tạng là nhân lành không lành. Như lai, nghĩa là lý tánh Như lai, hiện ra nhất niệm đầy đủ gọi là tạng. Căn trần nhất niệm tâm khởi theo duyên nhiễm tịnh, nhiễm tức vô minh, theo nhiễm duyên vô minh, thì đó là sinh tử trong chín cõi, tịnh tức giáo hạnh, theo tịnh duyên giáo hạnh, thì gọi là bốn chủng đạo diệt. Bốn chủng: tức sinh diệt, vô sinh, vô lượng, vô tác, cho nên nói đó là nhân lành, không lành. Nhân ắt cảm quả. Nói tất cả đường sinh tức quả

báo thiện ác trong mười cõi. Thí như trở xuống: Thí dụ trên, pháp do tùy duyên tạo ra vốn lia hai ngã, như cô đào hát nường vào chú thuật cho nên biến hiện các thứ hình tượng, đâu có chấp hai ngã. Nói ba duyên, đó là căn, trần, thức; căn trần hòa hợp nhất niệm tâm khởi. Do bất giác cho nên tùy theo duyên nhiễm, chỉ tạo hoặc nghiệp mà thành sinh tử trong chín cõi, ngoại đạo kia do bất giác nên vọng chấp tạo tác, do thói quen xấu huân tập từ vô thủy, gọi là Thức tạng, bảy thức chuyển sinh không gọi trụ địa, ban đầu do vô minh khởi, từ cội gốc sinh ra cành lá vô minh, cho nên dụ rằng như sóng biển, thân thường sinh chẳng dứt, đây là theo nhiễm duyên từ tế đến thô. Nếu có thể nhất niệm soi chiếu trở lại, thuận theo tịnh duyên thì lia lổ vô thường và hai chấp ngã, tự tánh thanh tịnh, nên nói rằng tánh đức Như lai rốt ráo hiển hiện.

3. Các thức có sinh có diệt:

“Các thứ khác có sinh có diệt. Ý, ý thức v.v... niệm niệm có bảy, vì vọng tưởng chẳng thật nên chấp các cảnh giới, các thứ hành xứ chấp chặt danh tướng, chẳng giác sắc tướng do tự tâm hiện, chẳng giác khổ vui, chẳng đến giải thoát, các thứ danh tướng trói buộc, tham sinh rồi sinh tham, hoặc nhân hoặc phan duyên, các thọ căn kia diệt, thứ lớp chẳng sinh. Còn tự tâm vọng tưởng chẳng biết khổ vui, nhân diệt thọ tướng, chánh thọ thiền thứ tư”. Đây là nói các thức có sinh có diệt. Các thức: là ý thức và ý ý thức, cùng năm ý thức trước, đó gọi là bảy thức, chẳng phải thứ bảy của Nhị thừa thức. Do niệm niệm mà khởi, khởi thì đồng thời. Vì vọng tưởng chẳng thật, nghĩa là sáu thức chấp cảnh. Các thứ hình xứ là sáu trần. Căn, trần đã hình thành thì chấp đấm danh tướng, do không biết sắc v.v... do tự tâm hiện nên sinh khổ lạc thọ, xoay vần sinh tử không do đâu giải thoát, danh tướng trói buộc từ tham khởi tham. Nhân và sở duyên nường tựa lẫn nhau đều gọi là sinh tướng. Các thọ kia trở xuống ấy gọi là diệt tướng, nghĩa là thọ căn và tướng hành.. thứ lớp bất sinh, chỉ còn tự tâm vọng tưởng, nghĩa là tâm thọ tướng diệt, tức định diệt tận, hoặc thiền thứ tư.

4. Ấm, giới, nhập đâu phải là chẳng diệt:

“Người khéo tu hành chân đế giải thoát, nghĩ là giải thoát, chẳng lia chẳng chuyển gọi là Như lai tàng thức, bảy thức trôi lăn chẳng diệt. Vì sao? Vì kia do phan duyên mà các thức sinh, chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác tu hành, chẳng giác vô ngã, tự tướng, cộng tướng, nhiếp thọ sinh ấm, giới, nhập. Thấy Như lai tàng thì năm pháp, ba tự tánh, người pháp vô ngã sẽ diệt”. Khéo tu hành chân đế giải thoát v.v... là hạnh tu của Thanh văn, đối với diệt định này nghĩ là giải thoát,

chẳng phải rốt ráo diệt. Chẳng lia chẳng chuyển v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Mà thật chưa xả, chưa chuyển tên gọi tàng thức trong Như lai tàng. Nếu không có tàng thức thì bảy thức diệt, do chẳng chuyển chẳng diệt nên thức thứ bảy thức thứ sáu, làm nhân và phan duyên mà sinh, là cảnh giới mà những người tu theo hai thừa chẳng thể biết được. Vì kia chỉ biết tánh của người vô ngã, đối với ấm giới nhập thì chấp tự tướng và cộng tướng. Nếu thấy Như lai tàng thì năm pháp, ba tự tánh đều vô ngã tướng, đâu phải ấm giới nhập là chẳng diệt.

5. *Nếu không có tên gọi thức tàng thì chuyển vọng thức thành Như lai tàng:*

“Địa thứ lớp nối nhau chuyển tiến, các kiến chấp ngại đạo không thể làm nghiêng động, đó gọi là trụ Bồ-tát bất động địa, được mười thứ Tam-muội đạo môn lạc, do Tam-muội giác gia trì, quán sát Phật pháp không thể suy nghĩ, bàn luận tự nguyện chẳng thọ môn Tam-muội lạc và thật tế, hướng đến tự giác Thánh thú, chẳng tu hành chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo, được mười chủng tánh đạo và thân trí ý sinh của hiền Thánh, lia hạnh Tam-muội. Cho nên Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát muốn cầu thắng tiến phải thanh tịnh Như lai tàng và tên gọi thức tàng”. Do trước ngộ nhập được dự vào Địa thứ nhất thứ lớp tăng tiến, đến địa vị đạo đức cao sâu không bị tà kiến ngoại đạo làm lay động, đến đệ Bát Bất động địa; ở địa vị này được mười môn Tam-muội lạc, được năng lực Tam-muội của các Đức Phật che chở, Giác tức là Phật, là có khả năng quán sát pháp và năng lực bốn nguyện của các Đức Phật, khác với Tiểu thừa đắm vui Tam-muội mà không trụ mé thật, tức sinh khởi giáo hóa làm lợi lạc chúng sinh, đạt được tự chứng trí, đâu đồng với sự tu hành của phàm phu Tiểu thừa. Được mười chủng tánh đạo của hiền Thánh, tức chủng tánh của bậc Thánh thập địa. Thập địa đều là Thánh, nói bao gồm cả hiền, nghĩa là đối với các vị đạt đến địa vị cùng tốt mà nói. Và thân trí ý sinh, nghĩa là nương Thập địa mà đạt đến Phật địa, Thân là pháp thân, trí tức là báo thân, ý sinh là hóa thân. Đã được ba thân, lia nhân hạnh Tam-muội, cho nên khuyên bảo rằng: Muốn thắng tiến đến địa vị Như lai thì phải thanh tịnh Như lai tàng và tên gọi thức tàng. Như lai tàng vốn không thể làm cho thanh tịnh, phải làm thanh tịnh cấu bản. Thức tàng dùng danh ngôn, do quên Như lai tàng chuyển thành vọng thức, không có tự thể riêng, chỉ có danh, nếu không có tên thức tàng thì chuyển vọng thức thành Như lai tàng.

6. *Như lai tàng vốn không sanh diệt:*

Này “Đại Tuệ! Nếu không có tên gọi thức tạng thì Như lai tạng

bất sinh diệt. Nay Đại Tuệ! Nhưng các phàm Thánh đều có sinh diệt. Người tu hành tự giác Thánh thú hiện trụ pháp lạc, chẳng bỏ phương tiện. Nay Đại Tuệ! Như lai tàng, thức tàng này, tất cả Thanh văn, Duyên giác tâm tưởng được thấy, tuy tự tánh thanh tịnh mà bị khách trần che đậy nên còn thấy bất tịnh, chẳng phải các Như lai. Nay Đại Tuệ! Như lai, là cảnh giới hiện ra, như xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay”. Như lai tàng vốn bất sinh diệt, nay đã vốn không thì có gì mà sinh diệt. Nhưng các phàm Thánh đều có sinh diệt, phàm nghĩa là ngoại phàm nội phàm, phàm tức Thập tín, nội phàm tức Thập trụ Thập hạnh, Thập hướng, cũng gọi là Hiền. Thánh là Thập địa. Thánh cũng có sinh diệt, tuy có thể tu hành được con đường của bậc Thánh tự giác, nhưng còn ở trong nhân vị, chưa lìa khỏi biến dịch sinh tử. Nói không bỏ phương tiện: 1. Tự thực hành phương tiện tăng trưởng đạo hạnh. 2. Phương tiện giáo hóa làm lợi ích chúng sinh. Cả hai đều có nghĩa sinh diệt. Như lai tàng này v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Như lai tàng thức tàng này bản tánh thanh tịnh vì bị khách trần phiền não làm nhơ nên bất tịnh, tất cả hai thừa và ngoại đạo, so lường khởi kiến chấp, không thể hiện chứng. Như lai đối với điều này hiện thấy rõ ràng như thấy trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay.

7. Thuyết của Như lai vốn không nhờ chứng:

Nay “Đại Tuệ! Ta đối với nghĩa này dùng thần lực dựng lập, giúp cho phu nhân Thắng-man và các Bồ-tát trí sáng đầy đủ... Tuyên dương giảng nói Như lai tàng và thức tàng, gọi là bảy thức sinh cùng lúc. Thanh văn chấp đắm, thấy người pháp vô ngã, cho nên phu nhân Thắng-man nương oai thần Phật nói cảnh giới Như lai, chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo. Như lai tàng và Thức tàng là chỉ cho cảnh giới Phật và các Bồ-tát có trí tuệ sắc bén y nơi nghĩa. Cho nên ông và các Đại Bồ-tát đối với Như lai tàng thức tàng phải siêng tu học, đừng chỉ nghe biết mà khởi tướng biết đủ”. Ta đối với trở xuống là chỉ cho kinh Đức Phật ngày trước nói làm chứng. Thuyết của Như lai vốn không nhờ chứng, chỉ vì đối với kinh kia đã từng nói rộng, cho nên ở đây nói lược để chỉ bày. Kinh Nhập Lăng già chép:ta cùng phu nhân Thắng-man và các Bồ-tát trí tuệ sâu mầu nói Như lai tàng và tên gọi thức tàng cùng thức thứ bảy sinh cùng lúc, giúp cho các Thanh văn thấy pháp vô ngã, cho nên Phu nhân Thắng-man, v.v... trở xuống vẫn nói có thể thấy. Nói đừng chỉ nghe biết mà nghĩ là biết đủ, là nói Như lai tàng và thức tàng là cảnh giới Phật chẳng phải ba tuệ đầy đủ, chẳng thể hiểu được, nên khuyên bảo tu học, là do ý này.

8. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Như lai tàng sâu kín

Đi chung với thức thứ bảy

Hai thứ nhiếp thọ sinh

Người trí xa lìa hẳn

Như gương bóng hiện tâm

Thói quen vô tử huân

Như người thật quán sát

Các sự đều vô sự

Người ngu thấy chỉ trăng

Nhìn tay chẳng nhìn trăng

Người chấp chặt danh tự

Chẳng thấy Ngã chân thật

Tâm là cô đào hát

Ý như người hòa nhạc

Năm thức là bè bạn

Vọng tưởng xem chúng hát”.

Bài tụng trên đây nói Như lai tàng đi chung với thức thứ bảy cho đến do hai thứ tự tướng, cộng tướng nhiếp thọ thì sinh ấm giới nhập, đây là theo vọng duyên. Nếu trái với vọng thì thấy được Như lai tàng, được xa lìa sinh tử. Như gương bóng hiện tâm v.v... như dụ trên nói, nghĩa là thể tánh của thức thứ tám xưa nay không có vật, do thói quen xấu từ vô tử huân, chuyển sinh các thức v.v... như gương hiện hình bóng, xứng tánh mà thấy, thấy đi hư thì bóng mất. Lại dùng ngón tay chỉ mặt trăng, để dụ giả danh thật pháp có được có mất. Nếu không thể quên lời khế hợp với lý, thì cũng như nhìn ngón tay mà không thấy mặt trăng. Tâm nghĩa là Như lai tạng tâm, tùy duyên khắp tạo như sự hóa hiện của cô đào hát. Ý tức ý căn, lại khởi ý thức, thức khởi thiện ác, như người đánh đàn hay, năm thức chấp trần, ý thức đồng khởi, đó gọi là bè bạn. Vọng tưởng phân biệt như thấy cô đào hát.

9. Tổng kết chỉ bày các tướng như thú nhập v.v...

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin Ngài nói về tướng năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã, phân biệt rõ ráo, con và các Đại Bồ-tát khác đối với tất cả địa thứ lớp nối nhau, phân biệt pháp này vào tất cả Phật pháp, cho đến Như lai tự giác địa. Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Hay khéo suy nghĩ. Đại Tuệ: bạch Phật: xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: năm pháp, tự tánh

thức, hai thứ vô ngã phân biệt thú tướng, đó là: Danh tướng, vọng tướng, chánh trí, như như. Nếu người tu hành, tu hành nhập vào Như lai tự giác Thánh thú, lia các kiến chấp đoạn thường, hữu vô, v.v... hiện pháp lạc chánh thọ trụ hiện ở trước. Nay Đại Tuệ! Chẳng giác năm pháp, tự tánh thức, hai vô ngã, tự tâm hiện ngoại tánh, làm phạm phu vọng tướng, chẳng phải các bậc hiền Thánh” Năm pháp v.v... ở trên tuy đã nói nhưng chưa từng y theo các địa phân biệt. Sở dĩ nêu bày kia, là nhập vào tất cả Phật pháp, đến Như lai địa, cho nên lại thưa hỏi. Trong đây đáp, trước hết nêu chung năm pháp và tướng mê ngộ, nghĩa là người tu hành nhập vào Như lai tự giác Thánh thú thì năm pháp chung cho tướng ngộ, cho nên nói nếu người tu hành v.v... nếu trái lại là chẳng giác biết thì năm pháp chung cho tướng mê, cho nên nói chẳng giác năm pháp kia v.v... đó là biết pháp không có tự tánh, mê ngộ là do người. Ở đây còn tổng kết chỉ bày các tướng thú nhập v.v... thấy đủ trong văn sau.

10. Căn cứ vào pháp phạm phu để chỉ bày tướng mê:

“Đại Tuệ Bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là kẻ ngu vọng tướng sinh, chẳng phải các bậc Thánh hiền? Phật bảo Đại Tuệ: Kẻ ngu chấp đắm tục số danh tướng, tùy tâm trôi giạt. Trôi giạt rồi sinh các thứ tướng mạo, rơi vào các kiến chấp ngã, ngã sở, hy vọng, chấp đắm sắc đẹp, chấp đắm rồi không biết che đậy, cho nên sinh nhiễm đắm. Nhiễm đắm rồi nghiệp tham sân si chứa nhóm. Chứa nhóm rồi hy vọng tự trói, như tầm làm kén, rơi xuống biển sinh tử, các chỗ hoang vắng, như bánh xe quay nước. Vì kẻ ngu không thể biết tự tánh như huyền, ngựa nắn, trăng đáy nước, tự tánh lia ngã, ngã sở, khởi tất cả vọng tướng chẳng thật, lia năng tướng, sở tướng và sinh trụ diệt, từ tự tâm vọng tướng sinh, chẳng được tự tại, thời tiết, hạt bụi nhỏ thắng diệu sinh. Phạm phu ngu si rơi vào dòng danh tướng”. Trong phần nêu lên để thích, y cứ riêng danh tướng vọng tướng, y theo pháp phạm phu để chỉ bày tướng mê, nghĩa là nương sáu trần v.v... danh tướng tục số, khởi các phân biệt. Tâm kia trôi giạt theo vọng, rơi vào kiến chấp ngã, ngã sở, hy vọng chấp đắm các sắc, làm ngăn che Thánh trí, khởi tham sân si, gây ra các nghiệp, như tầm làm kén, vọng tướng tự trói buộc, rơi xuống biển lớn sinh tử các đường. Như trên là nói tướng mê không ra khỏi ba đường, văn nêu rõ có thể thấy. Như tầm làm kén là dụ cho tự trói buộc. Như bánh xe quay nước, là dụ luân hồi sinh tử: Như ngựa nắn giả huyền, v.v... là dụ không biết tánh huyền, lia ngã ngã sở; khởi tất cả vọng tướng chẳng thật v.v... nghĩa là danh tướng khởi các vọng tướng, vọng tướng vốn chẳng thật, khởi các huyền tướng, huyền tướng

vốn luống dối lìa năng tướng sở tướng, cũng chẳng có sinh trụ diệt thật có, thì trở về tự tâm mà thôi. Thật chẳng phải tự tại v.v... do tà nhân sinh ra, phàm ngu không biết, vọng chấp cảnh bên ngoài, rơi vào các dòng danh tướng trôi giạt.

11. Giải thích lại hai pháp danh tướng:

Này “Đại Tuệ! Tướng kia là chỗ chiếu soi của nhãn thức gọi là sắc, chỗ soi của tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ý thức gọi là thanh, hương vị, xúc, pháp, đó gọi là Tướng. Này Đại Tuệ! Vọng tướng kia lập ra các danh, nói lên các tướng, như đây chẳng khác, các tên gọi voi ngựa, xe cộ, nam nữ... ấy gọi là vọng tướng. Này Đại Tuệ! Chánh trí là danh tướng kia không thật có, cũng như khách đi qua, các thức chẳng sinh, chẳng đoạn, chẳng thường, không rơi vào chỗ tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác”. “Tướng kia v.v... là tìm giải thích hai pháp danh tướng, không ra ngoài sáu thức, chấp sáu trần kia. Danh là tên. Sở thủ là tướng. Hiện hiện lập bày các danh tướng là vọng tướng. Các tên như Voi ngựa, v.v... dùng các tên này để nói lên tướng kia. Danh tướng đã lập nghĩa là việc này chắc chắn như thế chẳng khác, đó gọi là vọng tướng phân biệt”. Trên đã nói ba pháp thuộc phàm phu. Chánh trí trở xuống là y theo pháp Thánh hiền để nói rõ tướng ngộ. Danh tướng không thật có, nghĩa là muốn cầu chánh trí, nhưng ngộ danh tướng chẳng thật, giống như khách đi qua. Thức tâm chẳng khởi, xa lìa đoạn thường, không rơi vào cảnh giới của phàm phu Tiểu thừa, đó gọi là chánh trí.

12. Nói về như như:

Lại nữa Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát do rằng chánh trí này chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, lìa bỏ hai kiến chấp dựng lập và chê bai, biết danh tướng chẳng sinh, ấy gọi Như như. Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát trụ như như ấy được cảnh giới không thật có, nên chứng Hoan hỷ địa Bồ-tát. Được Hoan hỷ địa Bồ-tát rồi, lìa hẳn tất cả cõi ác ngoại đạo, chánh trụ chỗ xuất thế gian thú pháp tướng thành thực, phân biệt tất cả pháp như huyễn, v.v... tự giác pháp thú tướng, lìa các vọng tướng, kiến chấp quá lạ dị tướng, thứ lớp đến Pháp vân địa. Trong khoảng giữa đó nhờ năng lực Tam-muội tự tại thần thông khai mở, được Như lai địa rồi, các thứ biến hóa chiếu soi thị hiện thành thực chúng sinh, như trăng đáy nước, rớt ráo tròn đầy mười câu vô tận, vì các thứ ý giải của chúng sinh mà phân biệt nói pháp, pháp thân lìa ý tạo tác, đó gọi là Bồ-tát, nhập sở đắc như như. Đoạn này nói rõ như như. Do trước chánh trí quán sát danh tướng chẳng phải có chẳng phải không nên nói không lập, chẳng phải không lập, xả bỏ hai bên hữu vô, không

rơi vào hai thứ chẻ bai tổn hại hay lợi ích, tất cả danh tướng chẳng sinh, đó gọi là nghĩa như như. Bồ-tát trụ như như... chính là nêu rõ tướng như như chứng đắc. Đã nói Như như thì đâu có đắc ư! Là dùng vô đắc mà đắc, đắc pháp tự tha nhân quả. Nói cảnh giới không thật có là lia tướng hai bên không hữu, do đó mà lên đến Hoan hỷ địa, tức Địa thứ nhất của Biệt giáo. Không lia mà lia, lia tất cả đường ác của ngoại đạo, vô trụ mà trụ, trụ vào đường chánh xuất thế gian, vô phân biệt mà phân biệt, hiểu rõ tất cả pháp thủy đều như huyễn, không chứng mà chứng, chứng tự giác pháp thú, cũng lia các vọng tưởng thấy tánh khác tướng, tức năng kiến, sở kiến. Văn trước nói rằng tướng kiến đều lia. Như thế thứ lớp đến Pháp Vân địa, do năng lực Tam-muội... và các công đức, do khai pháp đến Như lai địa, vì chúng sinh nên hiện khắp sắc thân, như trăng đáy nước, thành tựu đầy đủ mười vô tận nguyện, tùy theo ý giải của chúng sinh mà nói pháp cho họ nghe, thân kia thanh tịnh, lia tâm ý thức, đó gọi là tướng như như sở đắc.

13. Nói năm pháp thì nghĩa của ba tự tánh ở trong đó:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Tại sao Thế tôn nói ba thứ tự tánh vào năm pháp, là mỗi thứ có tự tánh tông ư? Phật bảo Đại Tuệ: Ba thứ tự tánh và tám thức, hai thứ vô ngã đều vào năm pháp. Nay Đại Tuệ! Danh và tướng kia là vọng tưởng tự tánh. Nay Đại Tuệ! Nếu y vọng tưởng kia sinh tâm và tâm pháp thì gọi là sinh cùng lúc, như mặt trời và ánh sáng đi chung với nhau, các thứ tướng mỗi tướng phân biệt giữ gìn riêng, đó gọi là duyên khởi tự tánh. Nay Đại Tuệ! Chánh trí như như không thể làm hư hoại nên gọi là thành tự tánh”. Trên đã nói rõ năm pháp thì nghĩa của ba tự tánh ở trong đó, nay trước sau hội nhiếp, cho nên lại thưa hỏi, ngoài sự nhiếp nhập thì mỗi thứ đều có tự tướng tông ư! Trong đây đáp, trước đáp tổng nhập rất dễ hiểu, tiếp theo phối hợp riêng pháp tướng. Ban đầu dùng danh tướng đối vọng tưởng, từ chỗ nhân mà nói, do vọng tưởng kia lại thuộc về nhân duyên, là từ chỗ sinh khởi. Nếu nương vọng tưởng sinh tâm, tâm pháp: là nói tâm vương tâm sở nương phân biệt mà khởi, khởi là cùng lúc, như mặt trời cùng ánh sáng không lia bỏ nhau, phân biệt các tướng tự giữ gìn, danh kia mỗi mỗi không khác nhau, đó gọi là duyên khởi tự tánh. Chánh trí như như đều chẳng phải hữu tác cho nên không thể hoại, đó gọi là viên thành tự tánh. Ấy gọi là ba tự tánh nhập vào trong năm pháp.

14. Năm pháp được xếp vào tám thức:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Tự tâm hiện vọng tưởng tám thứ phân

biệt. Nghĩa là tướng thức tàng, ý, ý thức và năm thức thân, tướng chẳng thật vì vọng tưởng. Hai thứ nhiếp thọ ngã và ngã sở diệt thì hai vô ngã sinh. Cho nên Nay Đại Tuệ! Năm pháp này Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như lai tự giác Thánh trí, các địa nối nhau thứ lớp, tất cả Phật pháp đều vào trong ấy”. Ở đây nói năm pháp được xếp vào trong tám thức, nơi tự tâm hiện mà khởi vọng tưởng, có tám thứ phân biệt, đều là tướng luống dối chẳng thật. Nếu lia được hai thứ ngã chấp thì năng sở nhiếp thọ đều diệt, hai vô ngã trí do đó mà sinh, tức chánh trí như, như là tri. Thức v.v... tuy khác đồng nhưng đều quy về năm pháp, không có tự tướng tông riêng để nói. Nhưng năm pháp này, tức ba thừa cùng Phật và tất cả các pháp đều vào trong ấy.

15. Lại nêu danh giải thích nghĩa:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Năm pháp là tướng, danh, vọng tưởng, như như, chánh trí. Nay Đại Tuệ! Nếu nơi chốn, hình tướng, sắc tướng v.v... hiện, đó gọi là tướng. Nếu kia có tướng như thế gọi là bình v.v... thì cái này chẳng phải cái khác, đó gọi là Danh. Lập bày các danh hiển bày các tướng như bình v.v... tâm, tâm pháp, đó gọi là vọng tưởng. Danh kia, tướng kia rất ráo không thật có. Từ đầu đến cuối chẳng giác, đối với các pháp không xoay vần, lia vọng tưởng chẳng thật, đó gọi là Như như. Chân thật quyết định rất ráo tự tánh không thật có, kia là như tướng, ta và các Đức Phật thuận theo nhập xứ, khắp vì chúng sinh như thật giảng nói lập bày hiển hiện, đối với kia tùy nhập chánh giác, chẳng đoạn chẳng thường, vọng tưởng chẳng khởi, thuận theo tướng tự giác Thánh thú là tướng, mà tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác không đạt được, đó gọi là chánh trí. Nay Đại Tuệ! Đó gọi là năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã, tất cả Phật pháp đều vào trong đó. Cho nên Nay Đại Tuệ! Phải tự phương tiện học, cũng dạy bảo người, chớ theo người khác: Đoạn này lại nêu danh giải thích nghĩa, lại tự một đường, về đại thể thì đồng, chỉ khác về chi tiết tất cả đều như vậy. Trước tướng sau danh không ra ngoài danh thật, xen lẫn có trước có sau. Còn cả hai chẳng đồng, là trước y theo tự hành cho nên trước trí sau như, ở đây bao gồm hóa độ chúng sinh nên trái với thứ lớp kia, cho nên nói ta và các Đức Phật thuận theo nhập xứ, là như như. Khắp vì chúng sinh như thật giảng nói... là chánh trí. Cho nên biết văn này bao gồm tự tu hành và giáo hóa chúng sinh. Trong đây nói tướng, nghĩa là các hình dáng nhìn thấy như sắc, v.v... đều khác nhau. Danh: là y vào các tướng kia mà đặt tên bình... do danh tướng này nên có tâm, tâm sở các thứ phan duyên, đó gọi là Vọng tưởng. Hiểu rõ danh tướng rất ráo chẳng thật có, chỉ do

tâm mê xoay vần phân biệt, như thế quán sát lìa các vọng tưởng, đó gọi là như như. Chân thật quyết định v.v... là chỉ rõ lại tướng như, nêu bày các Đức Phật nhập xứ, y nơi tự chứng như thật giảng nói chẳng đoạn chẳng thường, phàm phu Tiểu thừa chấp nghiêng về tà không thể chứng đắc nên gọi là Chánh trí. Lại nói rằng: Tất cả Phật pháp đều vào trong ấy, là y theo nghĩa thu nhiếp lẫn nhau, tổng kết chung bốn thứ, cho nên khác với trên, khuyên bảo rằng: Phải tự học và dạy bảo người, lại nói chớ theo người, nghĩa là chớ để cho danh tướng xoay chuyển.

16. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Năm pháp, ba tự tánh
Và cùng tám thứ thức.
Hai thứ không có ngã
Đều thuộc về Đại thừa
Danh tướng tướng luống dối
Tự tánh hai thứ tướng
Chánh trí và như như
Đó tức là thành tướng”.*

Đều thuộc về Đại thừa, nghĩa là bốn pháp trên đều thuộc về tất cả pháp Đại thừa, trái lại, tất cả các pháp cũng nằm trong bốn pháp này.

17. Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như Đức Thế tôn đã nói câu “Chư Phật quá khứ nhiều như cát sông Hằng, vị lai, hiện tại cũng giống như thế”. Thế nào Thế tôn, như lời dạy mà tin nhận, hay lại có nghĩa khác? Cúi xin Như lai thương xót giải thích”: Chư Phật ba đời nhiều như cát sông hằng, kinh dạy rất nhiều, số lượng các Đức Phật quả như đã nói mà tin nhận hay là có nghĩa riêng ư! Cho nên lại thưa hỏi rằng:

18. Dựng lập để giáo hóa người:

“Phật bảo Đại Tuệ: chớ như lời dạy mà tin nhận, số lượng các Đức Phật ba đời chẳng phải nhiều như cát sông hằng. Vì sao? Vì quá chỗ mong cầu của thế gian, chẳng phải năng thí dụ và sở thí dụ, do phàm ngu chấp thường, ngoại đạo vọng tưởng, nuôi lớn ác kiến, sinh tử không cùng, muốn làm cho nhàm chán vòng sinh tử, siêng năng thẳng tiến, nên nói với họ các Đức Phật dễ thấy, chẳng phải như hoa ưu-đàm-bát khó thấy được. Dứt phương tiện cầu, có khi lại xem các người được hóa độ mà nói như vậy: Phật khó được gặp như hoa ưu-đàm-bát. Hoa ưu-đàm-bát không ai đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy. Như lai thế gian đều thấy,

vì chẳng do sự lập ra tự thông nên nói rằng: Như lai ra đời như hoa ưu-đàm-bát. Nay Đại Tuệ! Người tự lập ra tự thông quá sự hy vọng của thế gian. Những người phàm ngu kia không thể tin cảnh giới tự giác Thánh trí, không dùng cái gì thí dụ được. Chân thật Như lai quá hơn tướng tâm ý, ý thức thấy được, không thể làm ví dụ. Nay Đại Tuệ! Nhưng ta nói thí dụ Phật nhiều như cát sông Hằng không có lỗi lầm”. Trong đây đáp, trước hết chỉ ra chỗ chẳng đúng. Bởi số lượng các Đức Phật hơn cát sông Hằng, cũng quá tâm lượng hy vọng của thế gian, cho nên chẳng có năng thí dụ và sở thí dụ, đâu đợi hằng sa mà thôi, vì phàm phu lập ra thí dụ nghĩa chẳng phải một đường. Như phàm phu kia chưa được hóa độ, sinh tử không cùng, Phật nói cho họ nghe các Đức Phật dễ thấy, chẳng phải như hoa ưu-đàm, giúp cho họ bất sinh nhằm chán, lui sụt, tướng dứt phương tiện vọng cầu kia mà tiến cầu Phật đạo, dùng khó hiển bày dễ để tiến lên. Có khi quán các người được hóa độ mà nói rằng: Phật khó gặp như hoa ưu-đàm, giúp cho họ vui mừng, kính mến mà hưởng về đạo, do đó mà sách tấn. Lại nói rằng hoa ưu-đàm khó thấy, không ai đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy, nhưng Như lai đối với người thế gian đều đã thấy, cho nên biết Như lai như hoa ưu-đàm, thật nghĩ là là người khó gặp. Nhưng hai thí dụ nói khó nói dễ này, đều là hóa dụng bên sự của Như lai, chẳng phải cảnh giới tự chứng của Như lai, cho nên nói không dùng lập ra tự thông. Nếu luận về tự chứng thì thế gian không ai bằng, chẳng thể ví dụ được, tất cả phàm ngu không thể tin nhận, cũng chẳng phải tâm, ý, ý thức thấy biết được. Nhưng có khi dựng lập giáo hóa người, đâu có lỗi gì!

19. Như lai không có tâm phân biệt thương ghét:

Này “ Đại Tuệ! Thí như cát sông Hằng, tất cả cá trạnh, trâu-thu, ma-la, sư tử, voi ngựa, người thú dẫm đạp, cát chẳng nghĩ rằng kia nào loạn ta mà sinh vọng tưởng, tự tánh thanh tịnh không có các nhớ nhớt. Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, tự giác Thánh trí là sông Hằng, đại lực thần thông tự tại là cát. Tất cả ngoại đạo, các người, thú v.v... là tất cả não loạn, Như lai chẳng nghĩ mà sinh vọng tưởng. Như lai lặng lẽ không có nghĩ tưởng, bản nguyện của Như lai là dùng cái vui Tam-muội để làm cho chúng sinh an vui, không có não loạn, ví như cát sông Hằng không có khác nhau. Lại vì dứt bỏ tham sân. “Hằng sa các vật vô tình ở thế gian, tuy là cá trạnh, người thú... dẫm đạp cũng bất sinh niệm não loạn, để dụ cho Như lai Thánh trí thần thông tự tại, bị các ngoại đạo người thú não loạn, mà bất sinh ra nghĩ tưởng, vì năng lực bốn nguyện của Như lai là làm lợi lạc an vui cho chúng sinh, không có phân biệt

thương ghét. Thâu-thu ma-la, Hán dịch là sát tử ngư (cá sấu).

20. *Tánh cát chẳng hư hoại dụ cho pháp thân Như lai thường trụ:*

“Thí như cát sông Hằng là tự tánh của đất này, khi kiếp tận lửa cháy, cháy tất cả đất mà mặt đất kia chẳng bỏ tự tánh với hỏa đại đồng sinh. Những kẻ ngu khác nghĩ là đất bị cháy mà đất không cháy, vì là nhân của lửa. Cũng thế, Nay Đại Tuệ! Như lai pháp thân như cát sông Hằng chẳng hư hoại”: Ở đây nói tánh cát chẳng hư hoại, là dụ cho pháp thân Như lai thường trụ. Nói tự tánh của đất có sự có lý, nói về sự tức là đồng một tánh cứng cho nên gọi là cát hay đá. Về lý thì cùng một chân tánh cứng ướt ấm động, cho nên khi kiếp tận lửa hết mà tánh của đất tự như vậy. Vì đất với lửa đồng sinh, kẻ ngu không biết thấy đó cho là lửa cháy. Lửa là nhân, vì đất không có lửa thì không cháy, lửa không có đất thì không nổi nhau. Đất không thể cháy được, pháp thân Như lai không thay đổi cũng giống như vậy.

21. *Như lai lìa phần đoạn và biến dịch vì nhân duyên hữu lậu, vô lậu đều dứt:*

Này “Đại Tuệ! Thí như cát sông Hằng không có hạn lượng, ánh sáng Như lai cũng giống như thế, không có hạn lượng, vì thành thực chúng sinh nên soi khắp tất cả các Đức Phật đại chúng. Nay Đại Tuệ! Thí như cát sông Hằng mà tìm cát khác thì không bao giờ được. Cũng thế Nay Đại Tuệ! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác bất sinh tử, sinh diệt, vì có nhân duyên nên dứt vậy”. Tiết này ý nói cát sông Hằng không có hạn lượng, ví như ánh sáng Như lai vô lượng chiếu soi khắp nơi. Nói tìm cát khác không bao giờ được, là dụ nói Như lai lìa hai món sinh tử là phần đoạn và biến dịch, vì nhân duyên hữu lậu vô lậu đều dứt.

22. *Như lai dùng trí phương tiện thành thực chúng sanh nhưng thế pháp thân chẳng thêm chẳng bớt:*

Này “Đại Tuệ! Thí như cát Hằng thêm bớt không thể biết được, cũng như thế, Nay Đại Tuệ! Trí tuệ của Như lai thành thực cho chúng sinh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải pháp thân. Pháp thân là có hoại, pháp thân Như lai chẳng phải loại pháp thân này”. Ở đây dụ Như lai dùng trí phương tiện mà thành thực chúng sinh, nhưng đối với thế pháp thân chẳng thêm chẳng bớt, không đồng với sắc thân có sinh có diệt. Thân pháp là sắc thân.

“Như ép cát sông Hằng thì không thể ra dầu được. Cũng thế, tất cả chúng sinh dùng điều cực khổ ép ngặt Như lai, cho đến chúng sinh chứng được Niết-bàn, chẳng bỏ pháp giới, tự Tam-muội nguyện lạc, do

có tâm đại bi”: Cát bụi không có đầu, dụ cho Như lai tuy bị chúng sinh dùng các khổ ép ngặt, cho đến những người không biết gì hết, chưa Niết-bàn mà muốn bỏ thân tâm nguyện lạc cũng không thể được, dùng tâm đại bi thành thực chúng sinh đầy đủ.

23. Như lai nói tất cả các pháp thuận theo Niết-bàn:

Này “Đại Tuệ! Thí như cát sông Hằng theo nước trôi đi, chẳng phải không có nước. Cũng thế này Đại Tuệ! Tất cả các pháp do Như lai nói theo dòng Niết-bàn, cho nên nói như cát sông Hằng. Như lai không trôi theo các pháp, vì đi là nghĩa hoại. Này Đại Tuệ! Mé gốc sinh tử không thể biết, không biết thì làm sao nói đi? Này Đại Tuệ! Đi là nghĩa đoạn, mà kẻ ngu chẳng biết” Cát sông Hằng trôi theo dòng, người ngu chỉ thấy cát trôi mà không thấy nước. Nếu dùng trí quán sát thì chẳng phải không có nước. Đây là ví dụ Như lai nói tất cả các pháp thuận theo Niết-bàn cũng như thuận dòng mà chẳng phải nghĩa đi, cho nên nói Như lai không trôi theo các dòng, nghĩa là đối với pháp mà ngộ tánh, không bị xoay chuyển theo tướng, cho nên khác với dòng trôi, vì đi là nghĩa sinh tử hoại diệt, mé gốc sinh tử v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Mé gốc sinh tử không thể biết được; đã không thể biết làm sao nói được? Này Đại Tuệ! Đường nghĩa là đoạn, phàm phu chẳng biết đường tức là đi.

24. Tổng kết nêu bày giải thích thành tựu:

Này “Đại Tuệ! Bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nếu chúng sinh mé gốc sinh tử không thể biết, thì làm sao biết được giải thoát? Phật bảo Này Đại Tuệ! Do thói quen vọng tưởng lỗi ác từ vô thủy luống dối được dứt thì, tự tâm hiện, biết nghĩa bên ngoài, vọng tưởng thân chuyển mà giải thoát chẳng diệt. Cho nên vô biên, chẳng phải đều không thật có, vì vọng tưởng kia khởi vô biên tên khác. Quán sát trong ngoài lia bỏ vọng tưởng không khác chúng sinh, tri và sở tri, tất cả pháp đều vắng lặng. Chẳng biết tự tâm hiện vọng tưởng nên vọng tưởng sinh, nếu biết thì diệt”. Sinh tử giải thoát lý bản tế... làm sao một bên rất dễ hiểu một bên không thể biết? Trong đây đáp, nói luống dối từ vô thủy v.v... chính là lý do giải thoát. Nói do tự tâm hiện nên biết cảnh bên ngoài, thì vọng tưởng thân chuyển tức là giải thoát. Vọng tưởng đã chuyển tức là giải thoát thật chẳng diệt, chẳng diệt thì trùm khắp tất cả mọi nơi, cho nên nói vô biên. Thế đã vô biên nên nói chẳng phải đều không thật có. Vì vọng tưởng kia v.v... Nói vọng tưởng chuyển xứ kia khởi danh giải thoát vô biên v.v... Gọi là chuyển thể mà không chuyển cho nên nói tên khác. Quán sát trong ngoài, là do trước dùng tự tâm hiện kết nghĩa bên ngoài,

thì bên ngoài không có tướng bên ngoài, trở lại dùng này chiếu soi nội tâm thì trong ngoài như một, lìa bỏ vọng tưởng chỉ có một chân như, không còn pháp nào khác, cho nên nói không khác chúng sinh. Trí và tri chướng hoàn toàn không đối đãi, cho nên các pháp thấy đều vắng lặng. Chẳng biết tự tâm hiện, là lập lại tổng kết nêu bày giải thích thành tựu. Vọng tưởng sinh diệt này đều do tự tâm biết và chẳng biết mà thôi! Nếu biết tự tâm vọng thì không gì không diệt, nhưng có nói biết mà vọng chẳng diệt, thì đó chưa gọi là biết chân thật.

25. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Quán sát các Đạo sư
Giống như cát sông Hằng
Chẳng hoại cũng chẳng đi
Cũng lại không rớt ráo Ấy
tức là bình đẳng
Quán sát các Như lai
Giống như cát sông Hằng...
Đều lìa tất cả lỗi.
Theo dòng mà tánh thường
Ấy là Phật chánh giác”.*

Bài tụng Bát hoại ở trên dụ cho pháp thân thường trụ. Chẳng đi là dụ do Như lai nói pháp chẳng bị trôi theo các dòng. Cũng lại chẳng rớt ráo, nghĩa là dùng chẳng hoại, chẳng đi quán sát Như lai, thì chưa gọi là rớt ráo. Phải quán các Đức Phật giống như cát sông Hằng bình đẳng không khác, lìa các lỗi lầm. Lại nói theo dòng mà tánh thường, nghĩa là thuận theo dòng rớt ráo Niết-bàn, đó gọi là chánh giác chân thường.

26. “*Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin nói cho con nghe tướng hoại trong từng sát-na của tất cả các pháp. Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là sát-na của tất cả các pháp? Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Phật bảo Đại Tuệ: Tất cả pháp, nghĩa là lành, không lành, vô ký, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, không tội, hữu lậu, vô lậu, thọ, chẳng thọ”.* Sát-na là thời gian rất ngắn, niệm là rất nhỏ nhiệm. Như nói người tráng sĩ trong khoảng thời gian búng ngón tay có sáu mươi mốt sát-na, cho nên dùng tâm niệm sanh diệt không dừng làm sát-na, lại lấy tính chất vô thường biến hoại của vật làm sát-na, đó đều là thức tướng luống dối của chúng sinh. Trên nói vọng tưởng thân chuyển, là nói ấm v.v... vô thường, cho nên nêu tướng hoại trong sát-na

của các pháp làm câu hỏi. Trong đây đáp, trước là nêu tên tất cả pháp, sau là giải thích.

27. Nói lược về tâm, ý, ý thức và thói quen:

Này “Đại Tuệ! Lược nói tâm, ý, ý thức và thói quen, ấy là do năm thọ ấm, tâm, ý, ý thức thói quen ấy nuôi lớn: phàm ngu vọng tưởng lành, không lành”: Nói lược là đối với đoạn dưới nói rộng. Tâm thức, thói quen là nhân sinh tử, năm ấm là quả sinh tử. Do không hiểu rõ tâm thức thói quen ấy nuôi lớn, cho nên có ba cõi, sáu phàm hữu lậu vọng tưởng sát-na, lành, không lành tức ba điều lành và ba điều ác.

Này “Đại Tuệ! Tu về Tam-muội lạc, Tam-muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ gọi là hiền Thánh thiện vô lậu”: Tu Tam-muội v.v... tức nhân quả vô lậu. Nhân tâm muội là quả pháp lạc trụ, đây là pháp vô lậu của hiền Thánh ba thừa. Vô lậu tức là lìa niêm sát-na.

28. Nói rộng tướng sát-na chẳng phải sát-na:

Này “Đại Tuệ! Lành, không lành nghĩa là tám thức, tám thức gồm những gì? Nghĩa là Như lai tàng tên tàng thức, tâm ý, ý thức và năm thức thân, chẳng phải điều ngoại đạo nói. Này Đại Tuệ! Năm thức thân đi chung với tâm, ý, ý thức. Tướng lành, không lành xoay vần biến hoại, nối nhau trôi chảy, chẳng hoại thân sinh, vừa sinh vừa diệt. Chẳng giác tự tâm hiện, thứ lớp diệt, thức khác sinh. Hình tướng khác nhau, nhiếp thọ ý thức, năm thức đều tương ưng sinh. Thời gian sát-na chẳng dừng gọi là sát-na”. Lành, không lành trở xuống là nói rộng tướng sát-na chẳng phải tướng sát-na, danh tuy lại nêu, nghĩa thì chung chỉ bày. Như lai tàng gọi là thức tàng, tức thức thứ tám, thức này cho đến danh tướng năm thức vượt ra ngoài chánh giáo, cho nên nói phăng phải ngoại đạo nói. Nói năm thức thân, chính là nói tướng sát-na. Tâm, ý, ý thức đi chung tức là năm thức như mắt, v.v... cùng tâm, ý, thức đồng thời chấp cảnh, có tướng lành, không lành, hoặc thứ lớp khởi, hoặc xen lẫn khởi, cho nên nói lần lượt biến hoại nối nhau trôi chảy, giữa căn cảnh chưa bắt đầu gián đoạn. Bất hoại là bất đoạn. Thân sinh là năm thức thân sinh. Có sinh tức có diệt cho nên nói vừa sinh vừa diệt, do chẳng biết các cảnh tự tâm hiện nên chấp hình tướng khác nhau, niêm niêm khởi diệt, cho nên nói thứ lớp diệt các thức sinh, nhiếp thọ ý thức, do năm căn xen lạp năm trần thức trở về ý thức, khởi thiện khởi ác, cũng do ý thức đồng thời chấp cảnh mà khởi phân biệt, cho nên nói tương ưng sinh, thời gian sát-na chẳng dừng là nói các thức diệt khởi không dừng, không nơi đây thì nơi kia, không có thời gian tạm dừng, đó gọi là tướng sát-na.

29. *Rơi vào chấp đoạn, chẳng phải Niết-bàn vô lậu nên gọi là hoại pháp vô vi:*

Này “Đại Tuệ! Sát-na ấy gọi Thức tàng. Như lai tàng, ý câu sinh thức là thói quen sát-na, còn thói quen vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, phàm phu chẳng giác biết được. Vì chấp đắm sát-na luận nên không giác tất cả pháp sát-na chẳng phải sát-na, rồi khởi chấp đoạn hoại pháp vô vi”. Sát-na v.v... là lặp lại tổng kết trước, khởi sau. Hai thứ tướng này tuy chung nương các thức mà sinh khởi, nhưng chỗ nghe thì riêng, cho nên gọi là Thức tàng... đó là vì các thức từ thói quen thức là sát-na. Từ thói quen vô lậu là chẳng phải sát-na. Đã là vô lậu vẫn gọi là thói quen, nghĩa là thể của nó là thức thứ bảy chấp tướng vẫn còn. Tuy chẳng phải sát-na, nhưng chưa gọi là rốt ráo chân thường vô lậu, chính là cảnh giới của Thánh hiền ba thừa, cho nên nói phàm phu chẳng giác biết được. Phàm ngu chấp đắm tạo ra sát-na luận, chẳng những phải không giác biết chẳng phải sát-na, mà còn cũng không tự biết kia là sát-na. Do chấp đoạn, nghĩa là phàm phu, ngoại đạo khổ hạnh vọng chấp Niết-bàn, đây là rơi vào chấp đoạn, chẳng phải Niết-bàn vô lậu nên gọi là hoại pháp vô vi.

30. *Phân biệt thức thứ bảy và Như lai tàng:*

Này “Đại Tuệ! Thức thứ bảy chẳng trôi lăn, chẳng chịu khổ vui, chẳng phải nhân Niết-bàn. Này Đại Tuệ! Như lai tàng chịu khổ vui cùng đi chung với nhân, hoặc sinh hoặc diệt. Bị bốn trụ địa và vô minh trụ địa làm mê say, phàm ngu bất giác, sát-na bị vọng tưởng huân tâm”. Thức thứ bảy chẳng trôi lăn là nương vào nghĩa vô lậu ở trên, đối với thức thứ sáu, thứ tám phân biệt có khác nhau, vì biết người hai thừa đây đã dứt kiến hoặc, tư hoặc không còn trôi lăn trong ba cõi, không còn chịu khổ vui sinh tử, cho nên khác với thức thứ sáu, chẳng phải nhân Niết-bàn cho nên khác với thức thứ tám, vì thức thứ tám thọ huân có khả năng thành nhân Niết-bàn. Như lai tàng chính là nói thức thứ tám, nó có khả năng bao gồm cả thiện ác, theo duyên trôi lăn sinh tử, nhân quả khổ vui. Bốn trụ địa, là vô minh càn nhánh. Vô minh trụ địa là vô minh gốc rễ. Do vô minh này say mê nên thọ hai thứ sinh tử, phàm ngu vọng tưởng huân tâm không thể biết được nên khởi kiến chấp sát-na.

31. *Phật đáp câu hỏi về sát-na:*

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Như vàng, kim cương, xá-lợi Phật có tính chất kỳ lạ đặc biệt không bao giờ làm tổn hoại được. Này Đại Tuệ! Nếu được Vô gián mà có sát-na thì Thánh lễ ra chẳng phải bậc Thánh. Nhưng Thánh không hề chẳng phải Thánh, như kim cương tuy trải

nhiều số kiếp mà cân lượng chẳng giảm bớt. Tại sao phàm ngu chẳng rõ lời nói ẩn chứa của ta, đối với tất cả pháp trong ngoài nghĩ là sát-na?”. Như lai vốn đáp câu hỏi về sát-na. Sát-na thì có tổn hoại, mà lại dùng bất khả tổn hoại để nói, bởi vì mê thì đó là sát-na, ngộ thì chẳng phải sát-na, dụ như kim cương... tinh chất cứng chắc trong vàng, vì trăm lần luyện khoáng thì chất bã lắng xuống, chỉ còn hoàn toàn nguyên chất vàng, vật không thể hoại được, nó là tánh đặc biệt ở thế gian này. Lại dụ xá-lợi Phật do muôn hạnh huân tu, cầu nhiệm đều sạch hết, chỉ một tánh thuần nhất chân thật không gì phá hoại được, đây là tánh đặc biệt xuất thế gian. Chân thường mà Như lai chứng được cũng giống như vậy, cho nên nói nếu được Vô gián mà có sát-na v.v... Phật bảo: ta dùng Vô gián Tam-muội chứng đắc chân thường, đâu có sát-na. Nói Thánh lẽ ra chẳng phải Thánh, xét rằng bậc Thánh chưa từng có lý chẳng phải Thánh, thì biết đã ngộ chẳng mê, kia không sát-na rõ ràng, cho nên nói kim cương tuy trải qua nhiều số kiếp mà cân lượng chẳng giảm bớt, tại sao phàm phu không hiểu lời bí mật đó, đối với tất cả pháp nghĩ là sát-na. Ẩn chứa là bí mật.

32. *Đại Tuệ nương theo sáu độ mà thưa hỏi:*

“Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như Thế tôn nói sáu pháp Ba-la-mật đầy đủ thì được thành Chánh giác, Sáu pháp ấy là gì?”. Sát-na sinh diệt là sự sinh tử bờ bên này. Chân thường bất hoại là lý Niết-bàn bờ bên kia, từ bờ bên này mà qua đến bờ bên kia. Do sát-na mà rốt ráo chân thường là công đức của sáu độ kia, cho nên Đại Tuệ nương theo đó mà thưa hỏi.

33. *Ba-la-mật:*

a) Ba-la-mật thế gian: “Phật bảo Đại Tuệ: Ba-la-mật có chia ra ba thứ: Thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Nay Đại Tuệ! Thế gian Ba-la-mật là ngã và ngã sở nhiếp thọ chấp đắm, nhiếp thọ hai bên, là chỗ các thứ thọ sinh, ưa sắc, thanh, hương, vị, xúc nên đầy đủ bố thí Ba-la-mật, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng giống như thế, phàm phu thân thông và sinh Phạm thiên”. Trong đây đáp, nói sáu độ có ba thứ: ban đầu nói sáu độ thế gian, là nói ngã, ngã sở nhiếp thọ chấp đắm v.v... nghĩa là phàm phu tu kia mắc bốn lỗi, có chỗ gọi là chấp ngã, ngã sở, tức là không có niệm độ sau: 1. chấp đắm hai bên, thì không thể thấu đạt lý trung đạo đến bờ bên kia; 2. vì cầu quả báo tốt đẹp thì không tránh khỏi sinh tử; 3. ưa đắm sáu trần thì chẳng phải không trụ tướng mà bố thí; 4. Ngoại đạo được năm thân thông và sinh Phạm thiên, cũng do tu sự vô lậu sáu độ mà được.

b) Ba-la-mật xuất thế gian: “Đại Tuệ! Ba-la-mật Xuất thế gian, là Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn, hành sáu Ba-la-mật thích tự mình được vui Niết-bàn”. Đây là chỗ tu của người hai thừa, chỉ nương bốn đế, mười hai nhân duyên, thực hành sáu độ này. Nói rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn, chỉ vì tự độ mà ưa thích lý chân không, khác với chỗ tu của Bồ-tát.

c) Ba-la-mật xuất thế gian thượng thượng: “Xuất thế gian thượng thượng Ba-la-mật, là giác tự tâm hiện lượng, vì vọng tưởng nhiếp thọ và tự tâm là hai, nên chẳng sinh vọng tưởng. Đối với các đường không có phần nhiếp thọ tự tâm sắc tướng không chấp đắm, vì an vui tất cả chúng sinh khởi bố thí Ba-la-mật. Khởi phương tiện thượng thượng, duyên vào vọng tưởng kia chẳng sinh là giới, ấy là trì giới Ba-la-mật. Tức đối với vọng tưởng kia chẳng sinh là nhẫn, biết năng nhiếp, sở nhiếp, ấy là nhẫn nhục Ba-la-mật. Đầu hôm, giữa đêm và gần sáng, tinh tấn phương tiện. Tùy thuận phương tiện tu hành, vọng tưởng chẳng sinh, ấy là Tinh tấn Ba-la-mật. Vọng tưởng diệt hết, chẳng rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn của Thanh văn, ấy là thiền định Ba-la-mật. Tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh, trí tuệ quán sát chẳng rơi vào hai bên, thân trước càng thù thắng không thể hoại, được tự giác Thánh thú, đó là Bát-nhã Ba-la-mật”.

Đây là hạnh tu của viên đốn của Bồ-tát. Nhiếp thọ nghĩa là sáu căn nhiếp thọ sáu trần và tự tâm là hai. Tu bố thí độ trị san tham, năng trị sở trị là hai. Bồ-tát Đại thừa đã giác rõ các pháp duy tâm hiện. Cái gọi là không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thực hành bố thí thì năng trị, sở trị hai mà không hai. Hai không hai cho nên thể của ba luân là không, nên nói rằng chẳng sinh vọng tưởng, năng thí không, chẳng nhiếp thọ năng thọ không, không chấp đắm sắc tướng, vật sở thí không. Bồ-tát thực hành bố thí như vậy là làm lợi lạc tất cả chúng sinh, cho nên nói thượng thượng phương tiện. Tức là đối với duyên kia v.v... nghĩa là đem tâm lành tu bố thí, đối với giữ giới v.v... cũng vọng tưởng chẳng sinh, mỗi mỗi xứng tánh mà giữ giới; như vậy mà trì giới thì chẳng giữ chẳng phạm; như vậy mà an nhẫn thì không trái, không thuận; như vậy mà tinh tấn thì có gì là siêng năng, có gì là biếng nhác; như vậy mà tu thiền thì không định, không loạn; như vậy mà thực hành Bát-nhã thì không ngu si, không trí tuệ, tự nhiên chẳng phải tức là hai bên, chẳng phải lìa hai bên, an trụ trung đạo vượt thẳng qua bờ bên kia, đó gọi là tướng thượng thượng Ba-la-mật. Trong nhẫn nói biết năng nhiếp, sở nhiếp tức là năng thủ sở thủ tự tánh đều không. Trong tinh tấn nói hai thứ phương tiện: 1. Tướng riêng, nghĩa là tưng kinh v.v... 2. Tướng

chung, nghĩa là bao gồm năm độ đều phải tinh tấn mà thực hành. Trong thiên độ nói chẳng rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn của Thanh văn, nghĩa là định lực Thanh văn thiên lệch rất nhiều và ưa đắm Niết-bàn, Bồ-tát thì không như vậy, mà sáu độ đều nói vọng tưởng chẳng sinh, hoặc nói đều diệt, hoặc nói chẳng phải tánh, vậy thì sáu độ tuy khác mà do lìa vọng làm gốc, nếu lìa vọng thì hạnh gì mà không thành. Thân trước càng cao quý không thể hư hoại, nghĩa là sáu độ tăng tiến cho đến Bát-nhã, được thân trí tuệ, chuyển biến thù thắng năm thức trước, không thể phá hoại, được tự giác Thánh thú, đạt đến trí Bát-nhã, vì thế ba phẩm tuy chung cho trung hạ mà ý thật ở nơi thượng thượng, người tu phải nên phân biệt rõ.

34. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nói kệ rằng:

*“Không vô thường sát-na
Kẻ ngu vọng tưởng làm
Như sông, đền, hạt giống
Mà nghĩ là sát-na
Sát-na dứt phiền loạn
Vắng lặng lìa chỗ làm
Tất cả pháp chẳng sinh
Ta nói nghĩa sát-na”.*

Như lai thường thí dụ như dòng sông, như hạt giống, như đền... phá vọng tưởng tác pháp hữu vi kia đều là không, vô thường, sát-na, phàm phu không hiểu rõ lời nói ẩn chứa này, mà khởi sát-na vọng tưởng. Sát-na dứt phiền loạn... chính bài tụng trên nói nghĩa ẩn mật, nghĩa là hiểu rõ được sát-na, có thể dứt phiền loạn. Thế vắng lặng thì tự nhiên lìa sở tác, cho nên tất cả pháp chẳng sinh, do đó nên nói nghĩa sát-na.

35. Sinh diệt là lý thường:

*“Vật sinh thì có diệt
Chẳng nói cho kẻ ngu
Tánh Vô gián nối nhau
Được vọng tưởng huân xông
Do Vô minh làm nhân
Tâm từ kia sinh ra
Cho đến sắc chưa sinh
Trung gian có phần gì?”*

Vật sinh thì có diệt, cố nhiên sinh diệt là lý thường. Nếu nói cho người ngu nghe thì làm vẫn đục danh tướng, do đó phá pháp sinh diệt.

Trước là nêu bày tướng sinh làm chỗ bác bỏ, nghĩa là tánh Vô gián nối nhau, tức sát-na sinh diệt. Do vọng tưởng huân xông, vô minh làm nhân, cho nên sát-na vọng tâm từ kia mà sinh, kể là nói năng phá trung gian, đầu tiên là bác bỏ tướng sinh. Nói cho đến sắc chưa sinh v.v... nương vào tâm nói trên, tuy sinh mà sắc chưa sinh, trung gian tự không có chỗ nương, tâm này Vô Sắc mà chẳng sinh. Có phần gì? Kinh Nhập Lăng-già chép: trụ ở chỗ nào?

36. Nói về sự nối nhau diệt:

*“Nối nhau thứ lớp diệt
Tâm khác theo kia sinh
Khi chẳng trụ vào sắc
Duyên chỗ nào mà sinh?
Vì từ kia sinh ra
Nhân không như thật sinh
Tại sao không thành tựu
Mà biết sát-na hoại?”*

Đây là nói về sự nối nhau diệt, nghĩa là sắc tuy đã sinh, mà tâm nối nhau diệt, đó là sắc tâm không đối đãi nhau, dù có các tâm theo sắc kia sinh, nhưng nếu tâm không trụ vào sắc, thì duyên vào đâu mà sinh? Vì niệm niệm không dừng mà cũng không chấp lấy, nên tâm ấy tuy có sắc cũng có tánh vô sinh. Hoặc là từ kia sinh thì tự có thể được tánh vô sinh, cho nên nói nhân không như thật mà sinh. Thứ lớp bác bỏ diệt tướng, do trên câu sát-na thành tướng còn không thể được, huống chi có sát-na diệt tướng ư! Hoại tức là diệt. Đã phá sinh diệt thì trở lại gốc chân thường.

37. Có bốn pháp bất hoại:

*“Người tu hành chánh thọ
Kim cương xá-lợi Phật
Cung điện trời quang âm
Thế gian việc chẳng hoại
Trụ nơi chánh pháp được
Như lai đầy đủ trí
Tỳ-kheo được bình đẳng
Làm sao thấy sát-na
Càn-thát-bà huyền thấy
Sắc không có sát-na
Đối sắc chẳng thật thấy
Xem đó như chân thật”.*

Bài tụng này nói có bốn pháp bất hoại: 1. Tu hành được chánh định. 2. Kim cương. 3. Xá-lợi Phật. 4. Cung điện trời quang âm, tầng trời này ba tai chẳng phá hoại được, lại vì khi hậu kiếp mới sinh thành. Tầng trời này và Kim cương là việc chẳng hoại ở thế gian, chánh định và xá-lợi Phật là việc xuất thế gian chẳng hoại, kể là chỉ bày người có khả năng được sự chẳng hoại. Nói trụ trong chánh pháp được, nghĩa là Như lai dùng chánh trí trang nghiêm đầy đủ, Tỳ-kheo dùng bình đẳng chánh định đều do chánh pháp mà được, nhưng Kim cương và quang âm tuy gọi là bất hoại, nhưng đều là vô thường. Làm sao thấy sát-na? Bài tụng trên tổng kết, bác bỏ, nghĩa là nếu không như trên khởi kiến chấp sát-na, phải dùng lý gì thấy sát-na ư! Cho nên ví dụ như thành Càn-thát-bà, nhưng huyễn sắc tất nhiên chẳng phải sát-na, mà chúng sinh đối với pháp luống dối chấp cho là thật có, vậy cũng như thấy thành Càn-thát-bà là huyễn sắc mà cho là thật, chẳng phải sát-na là gì, nếu hiểu rõ sát-na vọng thì đó là chân thật.

38. Nói bày thắc mắc:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Thế tôn thọ ký cho A-la-hán được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng với các Bồ-tát không khác nhau. Tất cả pháp chúng sinh không đến Niết-bàn thì ai đến Phật đạo? Từ khi mới thành Phật cho đến vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa thời gian ấy không nói một chữ, cũng không có đối đáp? Vì Như lai thường định, cũng không suy nghĩ, không xét nét, do hóa Phật hóa làm Phật sự? Vì sao nói biết tướng hoại lần lượt sát-na? Kim cương lực sĩ thường theo hộ vệ, tại sao không lập ra bản tế, mà hiện ma, nghiệp ma, quả báo nghiệp ác, chiến-già ma- nạp, con gái Tôn-đà-lợi, ôm bát không mà về, nghiệp ác chướng hiện? Tại sao Như lai được trí Nhất thiết chủng mà chẳng lừa các lỗi ấy”.

Văn này có bảy thắc mắc: 1. Hỏi thọ ký Thanh văn. 2. Từ tất cả chúng sinh cho đến không trả lời, hỏi vì sao Phật nói không nói pháp. 3. Như lai thường trở xuống là hỏi đâu đợi suy nghĩ nói pháp. 4. Hóa Phật trở xuống là hỏi tướng hoại sát-na. 5. Hỏi vì sao Kim cương lực sĩ theo hộ vệ. 6. Hỏi bản tế. 7. Hỏi chín thứ nào bại, chín thứ nào hại như thiên ma khởi binh, Bà-la-môn Chiến-già là cô gái dùng chậu gỗ úp trên bụng cột lại vu báng Phật tư thông với y. Tôn-đà-lợi giết con gái đem chôn trong đất chùa để vu báng Phật phạm dâm sát. Trong thôn Ba-lợi-na Phật khát thực ôm bát không mà về, và ăn lúa ngựa, đầu lưng đều đau đớn, gai đâm chân, hầm lửa, cơm độc, các báo hiện, đó là chín.

39. Đáp thắc mắc đầu:

“Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng Nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Lành thay! Thế tôn! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Vì Niết-bàn vô dư tiến lên thực hành hạnh Bồ-tát. Thế giới này và các thế giới khác những người tu hạnh Bồ-tát ưa Niết-bàn của Thanh văn thừa, vì khiến lìa Thanh văn thừa tiến, đến Đại thừa nên hóa Phật thọ ký cho Thanh văn, chẳng phải pháp Phật. Nay Đại Tuệ! Do đó nên thọ ký các Thanh văn và Bồ-tát không khác. Nay Đại Tuệ! Chẳng khác ấy, Thanh văn, Duyên giác, các Đức Phật Như lai, phiền não chướng dứt, một vị giải thoát, chẳng phải trí chướng dứt. Nay Đại Tuệ! Trí chướng là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh. Phiền não chướng là thói quen trước kia, người vô ngã dứt, thức thứ bảy diệt, pháp chướng giải thoát, thức tàng thói quen diệt, rốt ráo thanh tịnh”.

Ở đây đáp thắc mắc đầu: Nói là Niết-bàn vô dư cho nên nói vân vân, quả sinh tử trói buộc dứt hết, nên gọi là vô dư, nhưng chẳng phải rốt ráo, tuy là thọ ký vẫn phải thực hành hạnh Bồ-tát, đây chính là dắt dẫn Tiểu thừa tiến lên. Lại nói: thế giới này và các thế giới khác... là nói Bồ-tát bắt đầu tu đại hạnh lại ưa quả Tiểu thừa, vì hàng Thanh văn nói thọ ký việc để sách tấn họ, cho nên nói tiến hưởng đến Đại thừa. Điều này tức là ý kinh này nói thọ ký cho Thanh văn. Thọ ký Thanh văn nói trong Kinh Pháp Hoa, nay là hóa Phật quyền thọ ký, cho nên nói chẳng phải pháp Phật. Nói không khác với Bồ-tát v.v... là y theo cùng dứt hoặc chướng, giải thoát một vị mà nói như vậy, chẳng phải trí chướng dứt. Trí chướng dứt thì thấy pháp vô ngã, được cảnh giới thanh tịnh cao siêu của Như lai, chẳng phải Thanh văn. Thanh văn chỉ dứt phiền não kiến tư hoặc, thấy người vô ngã, chưa phá vô minh thấy pháp vô ngã, cho nên khác Bồ-tát. Lại nói thức thứ bảy diệt, chính là dùng thức thứ bảy thứ tám mà nói về hai chướng: có giải thoát, chưa giải thoát, Nhị thừa chỉ diệt thức thứ bảy mà pháp chướng chưa thoát. Cái gọi là chỉ lìa luồng đối gọi là giải thoát. Nếu pháp chướng v.v... diệt mới gọi là rốt ráo thanh tịnh, vậy nên biết đồng khác chẳng thể xem nhẹ.

40. Đáp thắc mắc thứ hai:

“Vì pháp bản trụ trước sau chẳng có tánh”: Trong đây đáp thắc mắc thứ hai, nghĩa là pháp bản trụ không thêm không bớt cho nên trước không có Phật đạo để đắc, sau không có Niết-bàn để nhập, trung gian cũng không có pháp để nói, cho nên nói trước sau không có tánh; phi tánh là lìa tự tánh.

41. Đáp thắc mắc thứ ba:

“Vì bốn nguyện vô tận, Như lai không nghĩ không xét mà giảng nói pháp, vì dùng chánh trí giáo hóa, vì niệm chẳng vọng, nên không nghĩ không xét. Vì bốn trụ địa và vô minh trụ địa thói quen đã dứt, hai thứ phiền não dứt, thì lìa hai thứ sinh tử, giác biết người pháp vô ngã và hai chướng dứt”. Đây là đáp thắc mắc thứ ba. Như lai độ sinh thệ nguyện vô tận, không mưu cầu mà ứng, không nói mà nói, cho nên nói không nghĩ không xét, vì cuối cùng chánh trí soi chiếu khắp pháp giới, như gương hiện hình, ảnh đầu đời suy nghĩ, sau mới nói pháp ư! Lại nói tự trụ địa... nghĩa là quả cùng tận rất ráo, đã dứt hai chướng, đã lìa hai thứ sinh tử, đã chứng hai pháp vô ngã, chẳng lẽ không là việc làm của hóa Phật ư!

42. Đáp thắc mắc thứ tư:

Này “Đại Tuệ! Tâm, ý, ý thức v.v... có bảy là nhân thói quen sát-na, lìa các điều lành vô lậu, chẳng còn trôi lăn. Này Đại Tuệ! Như lai tàng là trôi lăn là nhân khổ vui Niết-bàn, người có trí tuệ không loạn ý và phàm phu ngu si không thể giác ngộ được”. Đây là đáp thắc mắc thứ tư. Tâm ý v.v... gọi là bảy thức thân, tức một là đệ lục sự thức, mà sát-na có hoại không hoại, do lời nói có khác nhau. Nếu cho rằng các thức từ nhân sát-na thói quen, thì có hoại, từ vô lậu thì không hoại, do lìa tánh kia chẳng phải sát-na nên chẳng còn trôi lăn, tức không có nghĩa hoại. Nhưng thói quen sát-na là phần của thức thứ sáu, các điều lành vô lậu là phần của thức thứ bảy. Đây là thức thứ sáu, thứ bảy đối nhau nêu rõ nghĩa hoại, chẳng hoại. Nếu y theo thức thứ bảy, thứ tám dựa vào nhau thì thức thứ bảy chấp ngã tâm tưởng chưa dứt nên sẽ hoại, chỉ có thức thứ tám không hoại, cho nên đặc biệt nói bảy ý như nhân thức v.v..., thức thứ tám chẳng hoại. Như lai tàng là hiển bày riêng tàng thức, nghĩa là thức này đang trôi lăn nên gọi là luân chuyển, ở Niết-bàn gọi Niết-bàn, cùng chung với khổ vui mà chẳng phải như bất tịnh, vậy thì “bất tức bất ly, phi hoại bất hoại”, cho nên phàm ngu chẳng giác biết được. Không loạn là Tiểu thừa chấp không, là bị không làm loạn.

43. Đáp thắc mắc thứ năm:

“Này Đại Tuệ! Kim cương lực sĩ theo hộ vệ ấy là hóa Phật chẳng phải Như lai chân thật. Này Đại Tuệ! Chân Như lai lìa tất cả căn lượng, tất cả căn lượng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo thấy đều diệt, được hiện pháp lạc trụ, Vô gián pháp trí nhãn, nên chẳng phải Kim cương lực sĩ hộ vệ. Tất cả hóa Phật chẳng từ nghiệp sinh. Hóa Phật chẳng phải Phật, chẳng lìa Phật. Do thợ gốm, bánh xe v.v... chúng sinh tạo ra hình tượng mà nói pháp, chẳng phải chỗ tự thông nói cảnh giới tự

giác”. Đây là trả lời thắc mắc thứ năm. Trong câu hỏi này có đối luận, biệt luận, đối luận thì Phật có chân hóa, cho nên nói người được lực sĩ hộ vệ là hóa Phật, lia tất cả căn lượng v.v... Nói chân Phật không rơi vào pháp tự tha ẩm giới nhập được hiện pháp lạc trụ, Vô gián pháp trí nhãn, rốt ráo trụ nơi trí đoạn. Công đức pháp thân thường đi chung với định, cho nên không cần hộ vệ. Về Biệt luận, thì tuy hóa cũng không hộ vệ vì có hai ý, vì hóa nghĩa là hóa hiện, cũng là ứng. Lại nữa, không mà có gọi là Hóa, đều tùy căn cơ ứng hiện, khác với phàm phu tùy thật nghiệp mà sinh thì không đợi hộ vệ (một ý). Lại nói hóa Phật là chẳng phải Phật, chẳng lia Phật, là từ chân thật khởi hóa, cho nên chẳng phải một, chẳng phải khác, cũng không đợi hộ vệ (hai ý). Nhưng hóa dụng phải nhờ chúng sinh, chúng sinh có tạo nên các duyên phải đầy đủ, cho nên Phật cũng dùng duyên đầy đủ mà nói pháp, nên gọi là nhân thợ gốm v.v... Chính là chấp duyên đủ nghĩa, đó tức không hộ mà hộ. Như Kim cương lực sĩ đâu chẳng phải hóa ư! Chẳng phải chỗ tự thông là khác với chân Phật, chỉ nói cảnh giới tự giác.

44. Đáp thắc mắc thứ sáu:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! “Kẻ ngu nương bẫy thức thân diệt rồi khởi lên chấp đoạn, vì tự vọng tưởng nên chẳng biết bản tế. Tự vọng tưởng tuệ diệt nên được giải thoát”. Đây là trả lời thắc mắc thứ sáu. Bản tế chẳng phải không thể lập bày, chỉ vì chúng sinh chưa thể tự vượt ra ngoài vọng tưởng, đối với bản tế có chỗ không biết, rất đối vọng tưởng, không thể ra khỏi chấp đoạn, chấp thường, cho nên nói kẻ ngu nương bẫy thức thân diệt... Y theo sự hiểu biết của kia, vì cùng tột ngoài thức thứ bảy không hiểu biết gì, nên khởi chấp đoạn, mà không biết thức tàng vô tận, thấy niệm niệm kia nối nhau nên khởi chấp thường. Do kia tự vọng tưởng bên trong mà không đề cập đến bên ngoài cho nên không thể biết, phải đợi vọng tưởng chuyển diệt mới gọi là giải thoát tuệ diệt, là nêu lên vọng không tự diệt, phải do tuệ mà diệt.”

45. Đáp thắc mắc thứ bảy:

“Vì bốn trụ địa vô minh trụ địa thói quen dứt nên tất cả lỗi dứt”. Đây đáp thắc mắc thứ bảy. Như lai năm trụ phiền não, thói quen chính đều sạch, dứt hai thứ sinh tử, đâu còn các việc như nghiệp ma v.v..., nhưng vì chúng sinh mà phương tiện thị hiện đó thôi. Bảy câu hỏi bảy câu đáp này, nương kinh để phân chia tiết, hoặc chia làm mười, hoặc chia làm sáu, người đọc phải xem kỹ lưỡng.

46. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

“Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Ba thừa cũng phi thừa
 Như lai chẳng diệt mất
 Được tất cả Phật ký
 Nói lia các lỗi ác
 Vì các trí Vô gián
 Và Niết-bàn vô dư
 Dẫn dụ người thấp kém
 Cho nên nói ẩn che
 Trí mà các Phật khởi
 Tức phân biệt nói đạo
 Các thừa chẳng phải thừa
 Kia là phi Niết-bàn
 Dục sắc hữu và kiến
 Nói là bốn trụ địa
 Điều mà ý thức khởi
 Nhà thức, chỗ ý ở
 Ý và nhãn thức thấy
 Đoạn diệt nói vô thường
 Hoặc khởi chấp Niết-bàn,
 Và vì nói thường trụ”.*

Phi thừa là chẳng phải Phật thừa. Chẳng diệt mất là Phật chân thật, vì kia chẳng phải thừa nên thọ ký Nhất thừa, vì đó là Phật chân thật nên nói lia các lỗi ác. Bài kệ này là đáp hai thắc mắc đầu và cuối gồm có hỏi đáp năm thắc mắc còn lại, bị các trí Vô gián che lấp, bài tụng này đáp ý rất dễ hiểu. Trí mà các Phật khởi, bài tụng này đáp thắc mắc thứ hai, nghĩa là từ khi bắt đầu tu đạo ngồi dưới gốc cây, đến khi chứng đắc trí, về sau tức phân biệt nói đạo. Đây là dùng nói để hiển bày không nói, chẳng gọi là không nói. Vì lời nói không tự tánh, nên ba thừa mà chẳng phải Phật thừa. Chân không Niết-bàn mà chẳng phải rốt ráo Niết-bàn, cho là không nói. Dục sắc hữu và kiến v.v... bài tụng này nói bốn trụ địa, nghĩa là hoặc kiến tư trong ba cõi chia làm bốn trụ. Ý thức trở xuống, bài tụng này đáp thắc mắc thứ sáu, nghĩa là ý do thức thứ tám mà khởi, mà thức thứ tám trụ nơi ý, cho nên gọi là nhà. Do đó mà nói tự không dung hợp vì bả thức thân diệt thì khởi chấp đoạn. Lại nữa ý và nhãn thức v.v... ở chỗ đoạn diệt nói vô thường, hoặc khởi chấp Niết-bàn, đây đều là phạm phu, ngoại đạo tự vọng tưởng chấp, cho nên không biết bản tế. Vì vậy mà Như lai nói thường trụ.

47. Đức Phật nói kệ để pặp lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Các vị Bồ-tát kia
Chí mong cầu Phật đạo
Rượu thịt hành và tỏi
Nếu ăn thì thế nào?
Cúi mong đấng Vô thượng
Thương xót giảng nói cho
Điều kẻ ngu tham đắm
Nhờ hôi không tốt đẹp
Vật cạp sói ưa thích
Làm sao mà nên ăn?
Ăn vào sinh các lỗi
Không ăn là phước lành
Cúi xin nói con nghe
Tội phước ăn, chẳng ăn”*

Đức Như lai ở trong cung quý vương nói pháp, các dạ-xoa nghĩ rằng giờ ăn sắp đến, chẳng phải thịt thì không ăn. Đại Tuệ, vì muốn các quý vương sinh tâm từ, nên thỉnh Như lai nói tội lỗi ăn thịt, không ăn thịt.

48. Ngoại đạo còn không ăn thịt, chẳng lẽ Phật lại ăn thịt:

Bồ-tát Đại Tuệ nói kệ hỏi Phật rồi, lại bạch Phật rằng: Cúi xin Đức Thế tôn vì chúng con nói công đức và tội lỗi của việc ăn thịt, không ăn thịt. Con và các Bồ-tát ở đời hiện tại, vị lai, sẽ vì chúng sinh có các thứ ưa muốn ăn thịt phân biệt nói pháp, khiến chúng sinh kia từ tâm với nhau, được từ tâm rồi, mỗi người nơi trụ địa thanh tịnh sáng tỏ, chóng được rất ráo Vô thượng Bồ-đề. Hàng Thanh văn, Duyên giác dừng nghĩ nơi địa vị của mình rồi, cũng được chóng thành vô thượng Bồ-đề. Các chúng ngoại đạo pháp ác tà luận, tà kiến đoạn thường điên đảo chấp chặt, còn có pháp ngăn không cho ăn thịt, huống là Như lai cứu giúp thế gian, thành tựu chánh pháp mà ăn thịt hay sao?

Kinh Nhập Lăng-già chép: Lộ-già-da v.v... các chúng ngoại đạo khởi kiến chấp hữu vô đoạn thường, còn có việc ngăn cấm không cho ăn thịt, huống chi Như lai là bậc Chánh đẳng giác Đại bi là chỗ chúng sinh nương nhờ mà cho phép mình và người đều ăn thịt hay sao?

49. Chúng sanh làm quyến thuộc qua lại với nhau:

“Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Có vô lượng nhân duyên không nên ăn thịt.

Nhưng nay ta sẽ nói sơ lược cho ông nghe: Vì tất cả chúng sinh từ trước đến nay nhân duyên xoay vần, thường làm sáu thân, vì tưởng người thân không nên ăn thịt” Kinh Nhập Lăng-già chép: “Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay ở trong sinh tử luân hồi không dứt, chẳng phải chưa hề làm cha mẹ anh em, nam nữ quyến thuộc với nhau, cho đến bạn bè thân yêu giúp đỡ lẫn nhau, nay sinh làm loài cầm thú...tại sao lại còn ăn thịt ư!

50. Không nên ăn các thức thịt:

“Thịt của các loài, lạc đà, chó, chồn, trâu, ngựa, người, thú... vì người hàng thịt bán lẫn lộn, chẳng nên ăn thịt. Do khí phần bất tịnh sinh trưởng nên chẳng được ăn thịt. Vì chúng sinh ngửi mùi thấy tanh hôi sinh sợ hãi, như Chiên-đà-la và Đàm-bà v.v... chó thấy oán ghét, sợ hãi sữa vang, chẳng nên ăn thịt”. Tiếng Phạm Chiên-đà-la, Hán dịch là đồ giả. Đàm-bà, Hán dịch Thực cầu nhục nhân, còn gọi là Lạp sư.

51. Tác hại của việc ăn thịt:

“Lại nữa, vì ăn thịt khiến người tu hành chẳng sinh từ tâm cho nên không ăn thịt. Vì kẻ phạm phu tham đắm ăn đồ hôi hám bất tịnh, không được tướng tốt, chẳng nên ăn thịt. Vì ăn thịt khiến cho chú thuật không thành tựu, chẳng nên ăn thịt. Vì người sát sinh thấy hình khởi thức, đắm trước mùi vị, chẳng nên ăn thịt, Vì người ăn thịt kia các vị trời thấy bỏ đi, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến miệng hôi hám không nên ăn thịt. Vì nhiều ác mộng, chẳng nên ăn thịt. Vì trong chốn vắng lặng cọp sói ngửi mùi, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến ăn uống không tiết độ, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sinh thỏa mãn, không nên ăn thịt”. Ta thường nói rằng: Hễ có ăn uống thì nên nghĩ là như ăn thịt con, nghĩ là như uống thuốc, không nên ăn thịt. Vì vậy, cho phép ăn thịt thật là điều vô lý.

52. Dẫn việc xưa để chứng minh:

Lại nữa Nay Đại Tuệ! Thử xưa, có ông vua tên Sư tử Tô-đà-bà, ăn các thứ thịt cho đến thịt người, thần dân chịu không nổi liền định mưu phản, dứt hết bổng lộc. Bởi ăn thịt có các tội lỗi như thế, không nên ăn thịt.

Lại nữa Nay Đại Tuệ! Các người sát sinh là vì tài lợi kẻ hàng thịt sát sinh buôn bán, những chúng sinh ngu si ăn thịt kia lấy tiền làm lưới mà bắt các thứ thịt. Người sát sinh hoặc do tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt những chúng sinh dưới nước, trên đất, bay trên hư không, các thứ giết hại đem bán cầu lợi. Đại Tuệ ta cũng có dạy chẳng cầu chẳng tưởng mà có thịt cá. Do các nghĩa ấy, không nên ăn thịt.

“Nay Đại Tuệ! Có khi ta nói cầu năm thứ thịt, hoặc cấm mười thứ

thịt. Nay ở kinh này thì bất cứ thứ thịt nào, bất cứ lúc nào đều không được ăn, tất cả đều nên dứt. Nay Đại Tuệ! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác còn không có ăn, huống là ăn thịt, cũng không dạy người. Vì lòng đại bi làm trước nên xem tất cả chúng sinh ví như con một, cho nên không cho ăn thịt con”.

Trong văn nói cũng dạy không cầu không tưởng mà có thịt cá, nên đủ hai nghĩa: 1. Hàng thịt buôn bán, chẳng phải chỉ tự sát sinh mà cũng bảo người giết là giáo, vì tài lợi nên dùng câu lưới... bắt các chúng sinh kia, là cầu. 2. Thấy hình khởi thức thân sinh đắm vị, là tưởng. Kế đến bảo kẻ ngu ăn thịt chúng sinh, tuy không tự giết, nhưng do ăn thịt nên kẻ hàng thịt nổi lên mua bán, tức là nghĩa bảo giết. Dùng tiền làm lưới bắt các thứ thịt, tức là nghĩa cầu. Nghĩa tưởng giống như trên. Nhưng năm thứ thường của Nho giáo lấy nhân làm đầu. Nói rằng: câu mà không có lưới, cung tên không bắn ban đêm, không giết bào thai, không chết yểu, quân tử xa lánh nhà bếp, đều là đầu mối của lòng nhân, mà không cấm ăn thịt. Đức Phật xếp giới không giết chúng sinh là giới thứ nhất, xem con trùng nhỏ nhít không khác con mình. Vì vậy nếu không có giới thì làm hư hạt, giống từ bi, lòng nhân kia há chẳng rộng ư?

53. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Đã từng làm quyến thuộc
Thịt là vật hôi tanh
Do bất tịnh nuôi lớn
Nghe mùi đều sợ hãi
Tất cả thịt và hành
Và các thứ tỏi nén
Các thứ rượu buồng lung
Tu hành thường lánh xa
Cũng thường lia dầu mè
Và các giường thủng lỗ
Vì các trùng nhỏ kia
Ở trong rất sợ hãi”.*

Nói lia dầu mè, phong tục nước ngoài đâm mè chờ đến có trùng mới lấy dầu ra ăn, như chao ủ lên men làm sao ăn được. Giường có lỗ hở có nhiều rận rệp đều không được nằm ngồi, vì có các thứ rận rệp nên khi người nằm ngồi chúng đều sinh kinh sợ.

54. Phải lia bỏ việc ăn thịt:

“Ăn uống sinh buồng lung

Buông lung sinh vọng giác.
 Từ giác sinh tham dục
 Cho nên không được ăn
 Do ăn sinh tham dục
 Tham khiến tâm say mê
 Say mê lớn ái dục
 Không giải thoát sinh tử
 Vì lợi, giết chúng sinh.
 Do tài bắt các thịt
 Cả hai đều nghiệp ác
 Chết đọa ngục khiếu hô
 Nếu không dạy tướng cầu
 Thì không ba tịnh nhục
 Kia đều do nhân có
 Cho nên không được ăn
 Những người tu hành kia
 Do đó đều xa lìa
 Các Phật khắp mười phương
 Tất cả đều quở trách
 Xoay vẫn ăn thịt nhau
 Chết sinh loài cạp sỏi
 Hôi như đáng chán ghét
 Sinh đâu thường ngu si
 Nhiều đời làm Chiên-đà
 Giống thợ săn, Đàm-bà
 Hoặc sinh Đà-di-ni
 Và các tánh ăn thịt
 La-sát, mèo, chồn thỏ
 Khắp trong đó sinh ra
 Phước tượng và đại vân
 Ương-quật-lợi-ma-la”.

Đà-di-ni Hán dịch la-sát nữ. Phước Tượng, Đại Vân, Ương-quật-lợi-ma-la đều là tên kinh.

“Và kinh Lăng-già này
 Ta đều cấm ăn thịt
 Các Phật và Bồ-tát
 Thanh văn đều quở trách
 Ăn rồi không hổ thẹn

Đời đời thường tối si
 Trước nói thấy, nghe, nghi
 Đã dứt tất cả thịt
 Vọng tưởng chẳng hay biết
 Nên sinh chỗ ăn thịt
 Như lỗi tham dục kia
 Chướng ngại giải thoát Thánh
 Rượu thịt, hành tởi, nén
 Thấy đều chướng Thánh đạo
 Chúng sinh đời vị lai
 Đối thịt ngu si nói
 Rằng thanh tịnh không tội
 Phật cho chúng ta ăn
 Ăn tưởng như uống thuốc
 Cũng như ăn thịt con
 Biết đủ sinh nhàm lìa
 Tu hành hạnh khát thực
 Người an trụ từ tâm
 Ta thường nói nhàm lìa
 Cọp sói các thú dữ
 Thường ở chung với ta
 Nếu ăn các máu thịt
 Chúng sinh sẽ kinh sợ
 Cho nên người tu hành
 Từ tâm chẳng ăn thịt
 Ăn thịt không từ tuệ
 Thường trái chánh giải thoát
 Và trái biểu tượng Thánh
 Cho nên không ăn thịt
 Được sinh dòng phạm chí
 Và các chỗ tu hành
 Nhà giàu sang trí tuệ
 Đều nhờ không ăn thịt”.

55. Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Phật rủ lòng thương xót răn bảo cấm ăn thịt:

Phật nói phẩm Tâm sắp hết, Đại Tuệ lại thỉnh Phật rủ lòng thương xót răn bảo cấm rượu thịt v.v... để kết thúc. Vì Đức Phật lập ra giáo hóa, lấy một tánh bình đẳng làm gốc, lấy từ bi đồng thể làm tâm. Vì cho rằng

người nhập đạo làm tông, chẳng phải trước ở nơi thanh tịnh lìa lỗi, lấy sự cứu vật độ sinh làm sự chẳng phải trên đối với tội phước nhân quả, do đó sau phần chánh tông Lăng-nghiêm có nói bốn thứ minh hối, ba thứ dần dần thứ lớp, mà trong kinh này răn bảo đầy khắp, có thể dùng so sánh lưu thông. Văn trước thỉnh răn bảo chung, kế là thỉnh răn bảo riêng. Trong phần Phật đáp có nêu đầy đủ, chẳng nên ăn thịt gồm có mười bảy duyên v.v... kế là đến nêu sự ngăn cấm ở trong chung riêng. Ban đầu nói phương tiện Tiểu giáo, hoặc chia năm thứ, đó là thấy, nghe, nghi giết... còn do tự chết hoặc khai cho ăn, hoặc chế mười thứ, nghĩa là thịt người, rắn, voi v.v... mà không đề cập các loài khác, dường như nên hứa chung, nhưng nói rất cẩn thận, chỉ nói chế ngăn mà thôi, không hề nói khai cho. Dù có nhất thời phương tiện cũng không được như thế. Kế nói kinh này khai trừ phương tiện, tất cả đều dứt, lời ấy có thể nói rất tha thiết. Nhưng Luận giả vẫn cấm ăn thịt, vì một nghi hỏi. Vì người ghi có nói rằng: Kinh này Bồ-tát không nên ăn thịt, cho nên biết vẫn còn khai trong Tiểu giáo, liền bảo rằng kinh này chỉ cấm Bồ-tát, nhưng còn Tiểu giáo thì khai cho; hoặc cho rằng người ghi chép lầm lẫn, nay nói là sai. Chính nói Lăng-già thích hợp sau bốn bộ A-hàm. Còn Tiệm Giáo nói khác với Phạm Võng đốn chế, do thấy bộ kinh này thích hợp với Phương Đăng, như vậy mà thôi. Cái gọi tôn là riêng vẫn kia, đâu có cho rằng vẫn có việc ấy, vả lại còn cho là lầm nữa ư! Than ôi! Vì ngăn dứt nghiêm ngặt mà chế cấm, mà người đời còn chống trái, hướng chỉ không răn bảo ư! Sẽ có nhiều người kiến chấp càng sâu huân tập theo nghiệp, đến nỗi không còn khen ngợi phạm hạnh, cũng khiến người khác không học theo luật nghi, tôi biết người này tự để lại lỗi lầm về sau. Nhưng Kinh này nói: Tất cả pháp do tự tâm hiện. Nếu biết thiện ác do tâm thì làm sao thuận theo vọng tưởng mà trái với Thánh giáo được ư! Khuyến hãy cố gắng.

